

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày: 02-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thuỷ.

Ông Hoàng Văn Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T là người cùng thôn với mẹ con anh Lưu Văn T1, bà Hà Thị S nên có quen biết nhau.

Ngày 13/02/2018 âm lịch, tức ngày 29/3/2018 dương lịch tại nhà nguyên đơn thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn), nguyên đơn cho anh Lưu Văn T1 vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000

đồng (ba mươi triệu đồng). Cụ thể, lần thứ nhất cho vay 10.000.000 đồng, anh Lưu Văn T1 là người nhận tiền và ký xác nhận đã nhận đủ số tiền vay; lần thứ hai vay 20.000.000 đồng, có bà Hà Thị S và anh Lưu Văn T1 cùng đến nhà mượn tiền và anh T1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền vay, vì số tiền vay là để làm đám cưới cho anh T1 nên giữa nguyên đơn cùng bà S, anh T1 có thỏa thuận toàn bộ số tiền vay 30.000.000 đồng anh T1 là người có trách nhiệm trả.

Khi cho vay số tiền trên hai bên không lập giấy vay tiền riêng, mà nguyên đơn chỉ ghi vào quyển vở học sinh và anh Lưu Văn T1 ký để xác nhận nợ. Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận phải trả vào thời gian nào, lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 02%/tháng.

Đến ngày 22/7/2018 âm lịch, tức ngày 01/9/2018 dương lịch, anh Lưu Văn T1 đến trả số tiền gốc 15.000.000 đồng. Sau khi nguyên đơn đòi anh T1 nhiều lần thì ngày 10/4/2025 âm lịch, tức ngày 07/5/2025 dương lịch, bà Hà Thị S đến trả được thêm 2.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Lưu Văn T1 có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 13.000.000 đồng.

Về nợ lãi hai bên thỏa thuận 02%/tháng cao hơn quy định, nên tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay đến ngày xét xử 02/02/2026, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm, cụ thể như sau:

- Lãi trên số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng tính từ ngày vay 29/3/2018, đến ngày 01/9/2018 (ngày trả 15.000.000 đồng), là 05 tháng (làm tròn còn 02 ngày lẻ nguyên đơn không tính), với số tiền lãi là $500.000 \text{ đồng/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng tính từ ngày 02/9/2018 đến 07/5/2025 (ngày trả 2.000.000 đồng), là 80 tháng (làm tròn còn 05 ngày lẻ nguyên đơn không tính), với số tiền lãi là $250.000 \text{ đồng/tháng} \times 80 \text{ tháng} = 20.000.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên số tiền nợ gốc 13.000.000 đồng tính từ ngày 08/5/2025 đến ngày xét xử 02/02/2026, là 08 tháng và 25 ngày, với số tiền lãi là $216.000 \text{ đồng/tháng} \times 08 \text{ tháng} = 1.728.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Và $25 \text{ ngày} \times 7.200 \text{ đồng/ngày} = 180.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử là $2.500.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng} + 1.728.000 \text{ đồng} + 180.000 \text{ đồng} = 24.408.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Lưu Văn T1 có nghĩa vụ trả tổng số tiền 37.408.000 đồng (trong đó: Nợ gốc 13.000.000 đồng; nợ lãi 24.408.000 đồng). Anh Lưu Văn T1 tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, với mức lãi suất 20%/năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lưu Văn T1 không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2025, bà Hà Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bên bị đơn) trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2018, để lo việc cưới hỏi cho con trai là anh Lưu Văn T1, bà Hà Thị S được đến nhà nguyên đơn bà Hoàng Thị T để vay số tiền 10.000.000 đồng, do chưa đủ lo việc đám cưới nên khoảng một tháng sau bà lại tiếp tục đến nhà nguyên đơn vay thêm tiền.

Lần vay tiền thứ hai thì anh Lưu Văn T1 đi cùng đến nhà của nguyên đơn để vay tiền, tại nhà nguyên đơn hai bên thoả thuận vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, toàn bộ số tiền vay sẽ do anh T1 đứng ra vay và có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, bao gồm cả số tiền 10.000.000 đồng vay lần trước. Do vậy, nguyên đơn đã viết gộp số tiền vay thành 30.000.000 đồng vào sổ và anh T1 ký xác nhận để nhận nợ. Về lãi suất hai bên thoả thuận miệng với nhau là 02%/tháng.

Sau khi mượn tiền anh Lưu Văn T1 đã trả được cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng. Khoảng từ sau tết năm 2025 nguyên đơn liên tục đến nhà đòi nợ và nói nhiều câu rất khó nghe, do bức tức nên anh T1 bảo “Nói nhiều thì không trả nữa”, tuy nhiên đến tháng 4/2025 anh T1 trả tiếp cho nguyên đơn 2.000.000 đồng.

Khi vay tiền hai bên không có thoả thuận về thời hạn trả nợ, tuy nhiên là có việc vay tiền nên con trai bà anh Lưu Văn T1 sẽ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn, mọi việc bà đã bàn giao cho anh T1 nên không còn liên quan, bà chỉ có trách nhiệm nhắc nhở anh T1 trả nợ, khi nhắc nhở thì anh T1 vẫn bảo, “Con còn nợ nhiều, con sẽ cố gắng đi làm để trả nợ dần”.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc anh Lưu Văn T1 thanh toán nợ gốc 13.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử cho bà Hoàng Thị T theo quy định. Anh Lưu Văn T1 còn phải thanh toán cho bà Hoàng Thị T số tiền lãi phát sinh tính từ ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ theo quy định. Về án phí, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt anh Lưu Văn T1, bà Hà Thị S. Xét thấy, anh Lưu Văn T1, bà Hà Thị S vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Theo trình bày của nguyên đơn ngày 13/02/2018 âm lịch, tức ngày 29/3/2018 dương lịch tại nhà nguyên đơn thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn, nguyên đơn cho bị đơn anh Lưu Văn T1 vay tiền 02 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng

(ba mươi triệu đồng), khi vay tiền có cả bà Hà Thị S mẹ anh Lưu Văn T1 tham gia cùng, vì tiền vay là để làm đám cưới cho anh T1 nên giữa nguyên đơn cùng bà S, anh T1 thoả thuận toàn bộ tiền vay 30.000.000 đồng anh T1 là người có trách nhiệm trả. Về lãi khi vay tiền hai bên thoả thuận miệng với nhau là 02%/tháng. Đến nay anh Lưu Văn T1 đã trả được số tiền gốc 17.000.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 13.000.000 đồng.

[3] Xét thấy lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bà Hà Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bên bị đơn. Do vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở để khẳng định ngày 29/3/2018, có việc giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, đến nay bị đơn đã trả được 17.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 13.000.000 đồng, là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Xét thấy, khi vay tiền hai bên thoả thuận miệng mức lãi xuất 02%/tháng là vượt quá mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định, do đó phần vượt quá sẽ vô hiệu. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu với mức lãi suất 20%/năm, là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi với lãi suất 20%/năm từ ngày vay 29/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, với tổng số tiền là 24.408.000 đồng (làm tròn), là có căn cứ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác nên không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, từ các lập luận ở trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 13.000.000 đồng, nợ lãi 24.408.000 đồng và bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi trả nợ xong cho nguyên đơn.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, với số tiền 1.870.000 đồng. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227,

228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Lưu Văn T1 có nghĩa vụ trả bà Hoàng Thị T, số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc 13.000.000 đồng, nợ lãi 24.408.000 đồng. Tổng số tiền phải trả 37.408.000 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về án phí:

2.1. Bà Hoàng Thị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000525 ngày 15 tháng 10 năm 2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Anh Lưu Văn T1, phải chịu 1.870.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9, 46 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn